TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày: 27-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuân
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 23/2017/TLST- KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23-1/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02-01-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần T**; địa chỉ: Thị Trấn A, huyện A, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang V** - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần T tại thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc: số 02 đường T, phường T, quận L, TP. Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền ngày 08/08/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần T; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần D**; địa chỉ: Số 517 đường V, phường H, quận K, TP. Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thụy A - Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần T - Ông Nguyễn Quang V trình bày:**

Giữa Công ty Cổ phần T và Công ty Cổ phần D có mua bán hàng hóa vào tháng 12 năm 2004. Việc mua bán không có hợp đồng nhưng có hóa đơn giấy tờ chứng minh.

Trong quá trình mua bán, Công ty Cổ phần T có giao hàng đầy đủ nhưng Công ty Cổ phần D không thanh toán hết số tiền hàng đã giao. Ngày 01-01-2005, có xác nhận công nợ giữa hai bên với số tiền 19.923.462 đồng. Từ năm 2005 đến 2011, Công ty Cổ phần D đã trả tiền và hai bên có xác nhận công nợ lại vào ngày 01-01-2011 với số tiền 4.923.462 đồng. Hàng năm, Công ty Cổ phần T có gửi xác nhận công nợ. Xác nhận công nợ lần cuối ngày 04-5-2017 số tiền 4.923.462 đồng. Do thời gian quá lâu mà Công ty Cổ phần D vẫn không thanh toán nên Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 4.923.462 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 4.923.462 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - Công ty Cổ phần D mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty Cổ phần T và Công ty Cổ phần D có mua bán hàng hóa từ tháng 12 năm 2004. Quá trình mua bán, Công ty Cổ phần T có giao hàng đầy đủ nhưng Công ty Cổ phần D không thanh toán hết số tiền hàng đã giao nên Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 4.923.462 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần T và Công ty Cổ phần D tuy không thể hiện bằng hợp đồng nhưng căn cứ các Hóa đơn giá trị giá tăng và Biên bản xác nhận công nợ cuối cùng ngày 09-11-2015 giữa hai công ty thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty Cổ phần D có mua hàng của Công ty Cổ phần T, phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại. Hai bên đã đối chiếu công nợ nhưng đến nay, Công ty Cổ phần D vẫn

chưa thanh toán số tiền hàng còn nợ 4.923.462 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 280 Bộ luật dân sự. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần T đối với Công ty Cổ phần D là đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 4.923.462 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần D phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại; các Điều 280, 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty Cổ phần T đối với Công ty Cổ phần D.

Buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 4.923.462 (bốn triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi hai) đồng.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần D phải chịu là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (ba triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu số 007547 ngày 10-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trích sao bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai